

UNIT 9: ENGLISH IN THE WORLD

Lesson 1

Word	Transcription	Meaning
ferry (n)	/ˈfɛri/	Phà
flight (n)	/flaɪt/	Chuyến bay
historic (adj)	/hɪˈstɔrɪk/	Thuộc lịch sử
hot dog (n)	/hɒt dɒg/	Bánh hot dog
jog (v)	/dʒɒg/	Đi bộ nhanh
parliament (n)	/ˈpɑrləmənt/	Quốc hội
pavlova (n)	/pævˈlʊvə/	bánh làm bằng lòng trắng trứng nướng lên, ăn với kem tươi và hoa quả
stadium (n)	/ˈsteɪdiəm/	Sân vận động
tour guide (n)	/tʊr gaɪd/	Hướng dẫn viên

Lesson 2

Word	Transcription	Meaning
beach (n)	/bi:tʃ/	Bãi biển
cheesesteak (n)	/ˈtʃiːzsteɪk/	bánh mì kẹp bò nướng, phô mai và hành tây
photo (n)	/ˈfoʊtoʊ/	ảnh
postcard (n)	/ˈpoʊst,kɑrd/	Bưu thiếp
roast (adj)	/roʊst/	Quay

sightseeing (n)	/ 'saɪt 'si:ɪŋ /	Chuyến tham quan
souvenir (n)	/ ,suvə 'nɪr /	Đồ lưu niệm
swimsuit (n)	/ 'swɪm ,sut /	Đồ bơi
wallet (n)	/ 'wɒlət /	ví

Lesson 3

Word	Transcription	Meaning
aquarium (n)	/ ə 'kwɛrɪəm /	Thủy cung
hockey (n)	/ 'hɑki /	Môn khúc côn cầu
homestay (n)	/ 'həʊmsteɪ /	Việc trọ tại nhà dân
nervous (adj)	/ 'nɜrvəs /	Căng thẳng
pen pal (n)	/ pɛn pæl /	Bạn qua thư